

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HS-ST
Ngày 22 tháng 4 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bầy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Tuyên;

Bà Bàn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2021/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Anh T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 04 tháng 4 năm 1976, tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Danh L và bà Nguyễn Thị C; có vợ (đã ly hôn) và 02 con; tiền án có 02 tiền án, năm 2011 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Định xử phạt 18 tháng tù giam; năm 2017 phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, bị tòa án nhân dân Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 20 tháng tù giam, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 12/01/2021 đến nay, có mặt.

- Bị hại: Ông Nông Đức L, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Trần Thị L, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/01/2021, Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tiếp nhận tố giác của công dân Nông Đức L về việc bị mất trộm thẻ cào điện thoại trong tủ kính bán hàng. Qua xác minh, giải quyết tố giác tội phạm đã xác định được đối tượng Trần Anh T là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nói trên.

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận: Khoảng 16 giờ, ngày 10/01/2021, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUFAT biển kiểm soát 12T1 - 041.46 từ thị trấn T về nhà. Khi đến thôn C, xã Đ, huyện T, bị cáo rẽ vào quán ông Nông Đức L để uống nước và hút thuốc. Sau khi ông L sang nhà con trai ở gần đó, T quan sát thấy trong tủ kính đựng hàng tạp hóa có thẻ cào điện thoại không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và đã mở tủ kính đã lấy trộm được: 06 thẻ điện thoại mạng Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng/thẻ, hạn sử dụng đến ngày 21/12/2025; 13 thẻ cào nhà mạng Viettel mệnh giá 20.000 đồng/thẻ; 10 thẻ cào mạng Viettel mệnh giá 50.000 đồng/thẻ; 10 thẻ cào nhà mạng Viettel mệnh giá 100.000 đồng/thẻ, hạn sử dụng các thẻ cào Viettel đều đến ngày 21/12/2026; tổng giá trị các thẻ cào gồm mạng Vinaphone và Viettel là 2.060.000 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), trộm được số thẻ cào này, bị cáo mang về nhà cất giấu dưới viên gạch ba banh cạnh cửa nhà bếp của gia đình.

Về vật chứng của vụ án, ngày 02/3/2021, Cơ quan Điều tra Công an huyện Tràng Định xét thấy đủ căn cứ và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên đã trả 39 thẻ cào là tài sản bị trộm cắp, cho ông Nông Đức L là chủ sở hữu; ngày 01/3/2021 Cơ quan Điều tra trả cho chị Trần Thị L chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUNFAT biển kiểm soát 12T1-041.46 được Trần Anh T sử dụng làm phương tiện trong quá trình trộm cắp tài sản mà chị L không biết.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSTĐ ngày 23/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trần Anh T phạm tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định trong phần tranh luận, vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét tuyên bố bị cáo Trần Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38, 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Anh T từ 02 đến 03 năm tù. Xác nhận người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản. Vật chứng khác không có giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy theo khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận, bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; bị hại đề nghị xử lý bị cáo đúng quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên huyện Trảng Định trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Xét thấy việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, mặt khác tài sản đã được trả cho chủ sở hữu là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử.

[3] Về hành vi cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, đồng thời phù hợp với biên bản xác định lại hiện trường, tang vật thu giữ là 39 thẻ điện thoại các loại với tổng giá trị các thẻ cào gồm mạng Vinaphone và Viettel là 2.060.000 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng). Lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm do tại Bản án số 122/2018/HSST ngày 20/4/2018 đã xác định là tái phạm, nay phạm tội mới mà chưa được xóa án tích thì xác định hành vi của bị cáo là tái phạm nguy hiểm. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Trần Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi này cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật. Để có mức án phù hợp với tính chất hành vi, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết về nhân thân, tăng nặng, giảm nhẹ thấy rằng:

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án: Năm 2011, phạm tội trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Định xử phạt 18 tháng tù giam đến năm 2017 chưa được xóa án tích lại phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử

phạt 20 tháng tù giam, nay tiếp tục phạm tội được xác định là tái phạm nguy hiểm theo điểm b Điều 52 của Bộ luật Hình sự; về tình tiết giảm nhẹ, tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở đánh giá này, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo thực hiện, vừa có tính giáo dục riêng, vừa có tính phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 điều 48 của Bộ luật Hình sự và khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, thì việc Cơ quan Điều tra trả lại tài sản cho ông Nông Đức L không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và đúng quy định, tại phiên tòa ông Nông Đức L đã thừa nhận. Đối với vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với chiếc xe mô tô của chị Trần Thị L, ngày 01/3/2021 Cơ quan Điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu thể hiện trong hồ sơ vụ án. Việc trả này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và xử lý vật chứng và có căn cứ đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, ông Nông Đức L không yêu cầu bồi thường, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Anh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hướng giải quyết toàn bộ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, được chấp nhận.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38, 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm khoản 1 điều 48 của Bộ luật Hình sự và khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Anh T phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Xử phạt bị cáo Trần Anh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2021.
3. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon màu trắng (loại nhỏ) đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ngày 25/3/2021)

- Xác nhận ngày 01/3/2021, Cơ quan Điều tra đã trả cho chị Trần Thị L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SuFat màu sơn đỏ Biển kiểm soát 12T1-04146.

- Xác nhận ngày 02/3/2021, Cơ quan cảnh sát Điều tra đã trả lại toàn bộ 39 thẻ cào điện thoại mạng vinaphone và nhà mạng Viettel cho ông Nông Đức L.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Anh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Anh T, bị hại Nông Đức L, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Trần Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo (qua nhà tạm giữ);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Người có QLNVLQ (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bấy